

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP KHÓA 12 HỆ VĂN BẰNG ĐẠI HỌC THỨ HAI CHÍNH QUY KHÓA (Đợt 1)

TT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ghi chú
1	K12ACQ002	Trần Văn	Chiến	5/7/1957	Nam	100	7.25	2.98	Khá	
2	K12ACQ004	Phí Huy	Hùng	15/01/1987	Nam	100	6.38	2.39	Trung bình	
3	K12ACQ005	Phạm Đức	Trọng	23/09/1979	Nam	100	8.18	3.5	Giỏi	
4	K12ACQ011	Nguyễn Thành	Chung	12/5/1985	Nam	100	6.48	2.46	Trung bình	Chưa XMVB
5	K12ACQ012	Vũ Mạnh	Linh	15/06/1989	Nam	100	6.54	2.4	Trung bình	
6	K12ACQ013	Lương Thúy	Nhung	28/01/1990	Nữ	100	7.35	3.03	Khá	
7	K12ACQ014	Phan Tuấn	Đạt	25/05/1988	Nam	100	7.11	2.84	Khá	Chưa XMVB
8	K12ACQ015	Lê Nghĩa	Hiệp	12/11/1985	Nam	100	6.49	2.48	Trung bình	
9	K12ACQ017	Ngô Ngọc	Hân	1/10/1986	Nữ	100	6.96	2.81	Khá	
10	K12ACQ018	Phạm Thị Hương	Duyên	2/4/1978	Nữ	100	7.11	2.91	Khá	
11	K12ACQ019	Trần Văn	Khanh	3/6/1987	Nam	100	7.02	2.84	Khá	
12	K12ACQ020	Phạm Ngọc	Sơn	11/9/1985	Nam	100	6.14	2.21	Trung bình	
13	K12ACQ022	Đỗ Văn	Đình	1/5/1985	Nam	100	7.66	3.21	Giỏi	
14	K12ACQ023	Hà Đỗ	Hạnh	5/7/1983	Nữ	100	6.94	2.72	Khá	
15	K12ACQ024	Trần Thu	Hằng	9/11/1984	Nữ	100	7.81	3.26	Giỏi	
16	K12ACQ025	Phạm Thị Ngọc	Diệp	21/01/1990	Nữ	100	7.4	3.05	Khá	
17	K12ACQ026	Đoàn	Hiếu	23/02/1988	Nam	100	7.03	2.89	Khá	
18	K12ACQ028	Bùi Thị	Huế	15/06/1985	Nữ	100	7.16	2.88	Khá	
19	K12ACQ029	Nguyễn Như	Phú	28/05/1984	Nam	100	7.16	2.9	Khá	
20	K12ACQ030	Ngô Xuân	Hoà	12/6/1990	Nam	100	6.58	2.47	Trung bình	
21	K12ACQ031	Bùi Thị Thanh	Hiền	7/10/1986	Nữ	100	7.28	2.99	Khá	

TT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ghi chú
22	K12ACQ033	Trần Hoàng	Điệp	11/4/1988	Nam	100	6.62	2.56	Khá	Chưa XMVB
23	K12ACQ034	Trần Thị Hà	Giang	29/08/1987	Nữ	100	6.87	2.67	Khá	
24	K12ACQ036	Phạm Văn	Hạnh	10/09/1978	Nam	100	8.2	3.56	Giỏi	
25	K12ACQ037	Trương Thanh	Tùng	22/08/1988	Nam	100	6.35	2.34	Trung bình	
26	K12ACQ038	Ngô Chí	Trung	24/12/1983	Nam	100	6.95	2.79	Khá	
27	K12ACQ040	Nguyễn Việt	Long	25/06/1983	Nam	100	7.34	3.01	Khá	
28	K12ACQ042	Lê Ngọc	Hiền	15/08/1990	Nam	100	6.85	2.65	Khá	
29	K12ACQ044	Nguyễn Vương	Hoàng	27/12/1988	Nam	100	7.76	3.23	Khá	
30	K12ACQ045	Nguyễn Thị	Đào	28/08/1985	Nữ	100	6.86	2.72	Khá	
31	K12ACQ046	Dương Thuỳ	Linh	3/12/1990	Nữ	101	7.3	2.96	Khá	
32	K12ACQ048	Vũ Thị Thanh	Thủy	31/12/1990	Nữ	100	7.64	3.16	Khá	Chưa XMVB
33	K12ACQ050	Lê Hoàng	Linh	08/08/1986	Nam	100	6.81	2.7	Khá	
34	K12ACQ051	Phùng Lê	Mai	20/03/1989	Nữ	100	7.35	3.06	Khá	
35	K12ACQ052	Hoàng Văn	Tùng	02/02/1983	Nam	100	7.24	2.91	Khá	
36	K12ACQ053	Nguyễn Văn	Bình	17/02/1986	Nam	100	6.69	2.62	Khá	
37	K12ACQ054	Đồng Thị	Ngọc	5/12/1988	Nữ	100	6.89	2.71	Khá	
38	K12ACQ058	Bùi Quang	Đạt	21/04/1989	Nam	100	6.87	2.72	Khá	Chưa XMVB
39	K12ACQ059	Trần Văn	Nguyễn	3/2/1985	Nam	100	6.86	2.71	Khá	
40	K12ACQ060	Phạm Văn	Huy	23/11/1986	Nam	100	7.07	2.8	Khá	
41	K12ACQ062	Nguyễn Văn	Giáp	28/06/1981	Nam	100	6.76	2.69	Khá	
42	K12ACQ064	Nguyễn Thị Minh	Phương	12/3/1983	Nữ	100	6.65	2.54	Khá	
43	K12ACQ066	Nguyễn Thanh	Sơn	28/10/1984	Nam	100	7.26	2.92	Khá	Chưa XMVB
44	K12ACQ067	Trương Đình	Quý	24/09/1987	Nam	100	6.65	2.54	Khá	
45	K12ACQ068	Bùi Duy	Linh	20/12/1989	Nam	100	7.21	3	Khá	

TT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ghi chú
46	K12ACQ070	Nguyễn Thế Tài	07/07/1988	Nam	100	7.04	2.85	Khá	
47	K12ACQ071	Bùi Đình Bách	1/9/1987	Nam	100	6.88	2.72	Khá	
48	K12ACQ072	Lê Thị Sang	22/03/1983	Nữ	100	6.93	2.72	Khá	Chưa XMVB
49	K12ACQ073	Phạm Thị Tuyết Mai	3/6/1987	Nữ	100	6.77	2.67	Khá	
50	K12ACQ076	Đỗ Xuân Trung	22/03/1985	Nam	100	6.4	2.4	Trung bình	
51	K12ACQ077	Lê Thị Hải	26/12/1987	Nữ	100	6.67	2.55	Khá	
52	K12ACQ078	Nguyễn Thị Hường	23/02/1982	Nữ	100	7.71	3.2	Giỏi	
53	K12ACQ081	Trần Xuân Thắng	24/01/1979	Nam	100	6.94	2.78	Khá	
54	K12ACQ082	Vũ Tuấn Anh	25/02/1986	Nam	100	6.93	2.73	Khá	
55	K12ACQ086	Lê Thế Nam	12/6/1981	Nam	100	7.25	3.04	Khá	
56	K12ACQ087	Nguyễn Thị Thương	7/8/1988	Nữ	100	7.42	3.06	Khá	
57	K12ACQ088	Nguyễn Thị Mai	26/09/1989	Nữ	100	6.82	2.67	Khá	
58	K12ACQ089	Hoàng Thị Hà Tuyên	27/08/1985	Nữ	100	7.11	2.92	Khá	
59	K12ACQ090	Đoàn Minh Trang	1/5/1987	Nữ	100	7.89	3.3	Giỏi	Chưa XMVB
60	K12ACQ095	Phạm Ngọc Trang	20/10/1990	Nữ	100	6.9	2.72	Khá	
61	K12ACQ096	Nguyễn Thị Thu Hường	13/04/1983	Nữ	100	6.87	2.67	Khá	
62	K12ACQ097	Nguyễn Ngọc Sơn	19/08/1980	Nam	100	7.24	2.97	Khá	
63	K12ACQ098	Đỗ Thị Ngọc Thuý	25/09/1976	Nữ	100	7.1	2.9	Khá	
64	K12ACQ101	Nguyễn Văn Hoá	15/07/1986	Nam	100	7.1	2.85	Khá	Chưa XMVB
65	K12ACQ102	Chu Mạnh Hùng	16/06/1988	Nam	100	7.1	2.88	Khá	
66	K12ACQ103	Lữ Thị Khánh Trân	31/08/1979	Nữ	100	7.03	2.85	Khá	
67	K12ACQ106	Phan Thị Kim Oanh	7/1/1986	Nữ	100	7.06	2.85	Khá	
68	K12ACQ107	Trần Thị Khanh	15/12/1989	Nữ	100	6.66	2.55	Khá	
69	K12BCQ001	Nguyễn Thành Long	25/09/1989	Nam	101	6.5	2.44	Trung bình	

TT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ghi chú
70	K12BCQ002	Nguyễn Văn Dinh	10/5/1986	Nam	101	7.17	2.83	Khá	
71	K12BCQ003	Nguyễn Thị Thơ	14/06/1984	Nữ	101	7.62	3.2	Giỏi	
72	K12BCQ005	Vũ Văn Khoẻ	05/05/1988	Nam	101	7.05	2.86	Khá	
73	K12BCQ007	Đỗ Ngọc An	31/10/1989	Nam	101	7.14	2.91	Khá	Chưa XMVB
74	K12BCQ008	Phùng Ngọc Hà	4/10/1984	Nữ	101	7.36	3.02	Khá	
75	K12BCQ012	Nguyễn Thị Vân	27/11/1986	Nữ	101	6.68	2.59	Khá	
76	K12BCQ013	Lê Vũ Lâm	18/04/1988	Nam	102	6.96	2.84	Khá	
77	K12BCQ015	Phùng Thị Tuyết Mai	23/09/1988	Nữ	101	6.7	2.57	Khá	
78	K12BCQ016	Nguyễn Đăng Tùng	19/04/1987	Nam	101	6.99	2.87	Khá	
79	K12BCQ018	Hoàng Thị Chuyền	1/4/1987	Nữ	102	6.68	2.56	Khá	
80	K12BCQ019	Vũ Thị Minh Hảo	20/09/1984	Nữ	101	6.56	2.44	Trung bình	
81	K12BCQ022	Trần Hùng Cường	310/1982	Nam	101	6.92	2.73	Khá	
82	K12BCQ023	Ngô Đình Cảnh	14/02/1987	Nam	101	7.1	2.91	Khá	
83	K12BCQ024	Đàm Thị Thanh Hương	1/12/1989	Nữ	101	6.97	2.78	Khá	
84	K12BCQ025	Vũ Thế Thành Ngân	7/10/1987	Nam	102	6.46	2.45	Trung bình	
85	K12BCQ026	Lương Kim Thành	17/12/1984	Nam	101	6.92	2.76	Khá	
86	K12BCQ027	Phạm Thị Phượng	20/10/1987	Nữ	101	6.68	2.55	Khá	
87	K12BCQ028	Hoàng Minh Thảo	30/10/1988	Nam	101	7.56	3.16	Khá	
88	K12BCQ029	Vũ ánh Nguyệt	24/06/1987	Nữ	102	6.82	2.69	Khá	
89	K12BCQ030	Vương Hồng Quảng	1/9/1990	Nam	102	6.84	2.7	Khá	
90	K12BCQ031	Phạm Vũ Minh Trang	22/11/1990	Nữ	101	6.73	2.66	Khá	Chưa XMVB
91	K12BCQ032	Phạm Phương Mai	22/08/1988	Nữ	101	6.81	2.71	Khá	
92	K12BCQ033	Nguyễn Xuân Trường	15/10/1990	Nam	101	6.42	2.35	Trung bình	Chưa XMVB
93	K12BCQ034	Bùi Hùng Dũng	22/08/1982	Nam	102	6.54	2.45	Trung bình	

TT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ghi chú
94	K12BCQ038	Đỗ Hương Ly	15/02/1989	Nữ	101	7.91	3.35	Giỏi	
95	K12BCQ039	Nguyễn Thị Hải Hà	22/09/1982	Nữ	102	6.89	2.68	Khá	
96	K12BCQ041	Nguyễn Thị Bích Lan	13/01/1971	Nữ	101	7.34	3	Khá	
97	K12BCQ042	Nguyễn Tiến Dũng	10/12/1988	Nam	101	7.32	3.02	Khá	
98	K12BCQ043	Nguyễn Thanh Hùng	10/8/1972	Nam	101	7.05	2.84	Khá	
99	K12BCQ044	Nguyễn Thị Hải	20/01/1990	Nữ	101	6.76	2.67	Khá	
100	K12BCQ046	Trần Đình Thắng	16/06/1974	Nam	101	7.38	3.01	Khá	
101	K12BCQ047	Lê Nguyên Hải	18/07/1988	Nam	101	6.9	2.75	Khá	
102	K12BCQ049	Phạm Thu Hoà	09/09/1988	Nữ	101	6.84	2.71	Khá	
103	K12BCQ050	Lê Văn Khởi	24/04/1983	Nam	101	6.81	2.62	Khá	
104	K12BCQ051	Nguyễn Văn Quang	4/11/1984	Nam	101	7.65	3.21	Giỏi	
105	K12BCQ052	Đồng Văn Doãn	22/11/1984	Nam	101	7.74	3.26	Giỏi	
106	K12BCQ053	Nguyễn Quốc Tài	02/02/1985	Nam	101	7.65	3.22	Giỏi	
107	K12BCQ054	Hoàng Văn Đức	20/05/1986	Nam	101	7.66	3.21	Giỏi	
108	K12BCQ055	Nguyễn Văn Dáp	27/07/1984	Nam	101	7.54	3.11	Khá	
109	K12BCQ057	Bùi Vũ Lương	28/09/1979	Nam	101	6.75	2.59	Khá	Chưa XMVB
110	K12BCQ059	Đinh Thị Nhung	13/03/1978	Nữ	102	7.12	2.87	Khá	
111	K12BCQ062	Triệu Sơn Hải	15/04/1984	Nam	102	6.59	2.51	Khá	Chưa XMVB
112	K12BCQ063	Phan Thị Hoa	7/9/1988	Nữ	102	6.9	2.75	Khá	
113	K12BCQ065	Đinh Thị Tính	15/09/1986	Nữ	101	6.85	2.68	Khá	
114	K12BCQ067	Hoàng Thị Hường	4/9/1988	Nữ	102	7.12	2.82	Khá	
115	K12BCQ068	Cao Kiên Cường	18/01/1990	Nam	101	7.07	2.8	Khá	
116	K12BCQ069	Vương Quốc Hiếu	24/10/1985	Nam	102	6.99	2.76	Khá	
117	K12BCQ070	Lương Thị Minh Hiền	26/10/1987	Nữ	102	6.91	2.7	Khá	

TT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Giới tính	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ghi chú
118	K12BCQ072	Hoàng Minh	Khuê	18/12/1990	Nữ	101	6.87	2.67	Khá	
119	K12BCQ075	Trần Hoài	Thanh	15/07/1980	Nữ	101	6.87	2.71	Khá	
120	K12BCQ077	Nguyễn Văn	Tình	08/08/1989	Nam	101	7.47	3.1	Khá	
121	K12BCQ079	Trần	Kiên	22/08/1990	Nam	101	7.22	2.93	Khá	
122	K12BCQ080	Nguyễn Thị	Lệ	7/8/1990	Nữ	101	6.63	2.51	Khá	
123	K12BCQ083	Vũ Văn	Tân	10/11/1987	Nam	101	7.23	2.97	Khá	
124	K12BCQ086	Phan Ngọc	Phúc	4/9/1982	Nam	102	7.14	2.83	Khá	
125	K12BCQ087	Đặng Thu	Hà	2/9/1990	Nữ	101	6.92	2.74	Khá	
126	K12BCQ088	Nguyễn Cao	Thắng	11/7/1986	Nam	101	6.77	2.68	Khá	
127	K12BCQ089	Đinh Như	Thanh	08/08/1988	Nam	101	7.58	3.14	Khá	
128	K12BCQ090	Bùi Thị	Ninh	18/10/1990	Nữ	101	7.01	2.8	Khá	
129	K12BCQ093	Lê Trạc	Duy	21/07/1989	Nam	102	6.42	2.39	Trung bình	
130	K12BCQ094	Trần Văn	Hùng	29/06/1987	Nam	101	7.39	3.06	Khá	
131	K12BCQ095	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	25/05/1990	Nữ	101	6.73	2.65	Khá	
132	K12BCQ096	Lê Thanh	Tuấn	18/08/1984	Nam	101	7.16	2.9	Khá	
133	K12BCQ098	Bùi Đức	Minh	1/12/1975	Nam	101	6.74	2.58	Khá	
134	K12BCQ101	Nguyễn Thị	Lê	22/06/1987	Nữ	102	6.91	2.73	Khá	Chưa XMVB
135	K12BCQ102	Nguyễn Tiến	Mạnh	20/11/1989	Nam	102	6.66	2.56	Khá	
136	K12BCQ105	Vũ Mạnh	Thắng	8/10/1990	Nam	101	7.03	2.83	Khá	Chưa XMVB
137	K12BCQ107	Bùi Duy	Hải	19/05/1983	Nam	101	6.94	2.74	Khá	